TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ, bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn Ph, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12 tháng 4 năm 2022 của bà Nguyễn Thị L thể hiện:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph tổ chức đám cưới vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà L và ông Ph chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ năm 2012 đến nay thì bà L và ông Ph không còn sống chung với nhau. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Ph.

Về con chung: Thời gian chung sống bà L và ông Ph có 02 con chung tên Lâm Văn Ng, sinh ngày 01/01/1999 và Lâm Thị M, sinh ngày 01/01/2002, hiện nay cả hai con đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm Văn Ph: Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Lâm Văn Ph vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph đã được cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà L, ông Ph vắng mặt, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Ph vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L, ông Ph đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà L, ông Ph vắng mặt, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Ph vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph là loại kiện hôn nhân và gia đình. Bà L và ông Ph tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph là vi phạm về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Ph.

[3] Về con chung: Bà L và ông Ph có 02 người con chung tên Lâm Văn Ng, sinh ngày 01/01/1999 và Lâm Thị M, sinh ngày 01/01/2002, hiện nay cả hai con đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng. Bà L và ông Ph không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Lâm Văn Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph.

2. Về con chung: Hai con chung là Lâm Văn Ng, sinh ngày 01/01/1999 và Lâm Thị M, sinh ngày 01/01/2002, đều đã trưởng thành. Bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009937 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, bà Nguyễn Thị L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến